

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 3870/QĐ-SYT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2490/QĐ-SYT ngày 17 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 3870/QĐ-SYT ngày 26/12/2017 của Giám đốc Sở Y tế Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-SYT ngày 15/4/2024 của Sở Y tế Quảng Ngãi về phân khai dự toán kinh phí không thường xuyên năm 2024 (Từ nguồn kinh phí chiến lược dân số của tỉnh giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ 1332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh).

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn (kinh phí không thường xuyên năm 2024 (Từ nguồn kinh phí chiến lược dân số của tỉnh giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ 1332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2: Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Phòng Tài chính – Kế toán và các khoa, phòng, Trạm Y tế xã, thị trấn có liên quan tổ chức

thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính – Kế toán và các khoa, phòng, Trạm y tế xã, thị trấn của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *nh*

- Như Điều 3;
- Ban giám đốc;
- Lưu KT; VT.



GIÁM ĐỐC

★ Võ Hùng Viễn

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn
Chương: 423

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 1037/QĐ-TTYT ngày 11/7/2024 của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn)
 (Mã QHNS: 1029084)

Dvt: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
3	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi lương và các khoản có tính chất lương	
	Chi hoạt động chuyên môn	
	Chi khác	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí	
	Lệ phí	
2	Phí	
	Phí	
	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	113.400
I	Nguồn ngân sách trong nước	113.400
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cấp Bộ	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	113.400
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi lương	
	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	113.400
	Kinh phí không thường xuyên năm 2024 (Từ nguồn kinh phí chiến lược dân số của tỉnh giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 theo QĐ 1332/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh)	113.400
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	